Cơ quan: TRUNG TÂM THÔNG TIN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
Thời gian ký: 23.07.2025 09:59:34 +07:00

Phụ lục

DANH MỤC BỔ SUNG DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN HOÀ AN (BỔ SUNG ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số 938 /QĐ - UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)						Vị trí, địa điểm		
					Diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất							
						Đất trồng lúa	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Các loại đất khác	Địa điểm (đến cấp xã)	Số tờ bản đồ	số thửa
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=5+6*	*(5)*	*(6)=7+...+11*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*
1	Điểm du lịch Xuân Hòa Sơn	22,5000	22,5000		22,5000	1,9400			1,7400	18,8200	xã Bạch Đằng	1 (tỷ lệ 1/10.000), 3, 4, 11	Thửa 169; 21; 182; 185; 178; 181 (Tờ số 1); Thửa 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19; 20; 21; 22; 23; 24; 25; 26; 27; 28; 29; 30; 31; 32; 33; C1; C2; C3; S1 (Tờ số 3); Thửa 95; 107; 129; 130; 131; 132; 133; 134; 146; 147; 148; 149; 150; 151; 152; 162; 163; 164; 165; 166; 167; 179; 180; 181; 182; 183; 184; 185; 199; 200; 201; 202; 203; 204; 205; 217; 218; 219; 220; 221; 222; 223; 230; 231; 232; 233; 234; 235 (Tờ số 4); Thửa 99; 104 (Tờ số 11)
2	Xây dựng xuất tuyến 35kV sau trạm biến áp 110kV chu Trinh	0,0332	0,0332		0,0332	0,0040				0,0292	xã Quang Trung	tờ số: 53,61,77,88,99,105,114,122,128,137,144,155 (1/1000); 92,93,177 (1/10.000)	Thửa (tờ): 300(53); 357(61); 18(77); 06 (88); 29,230,234(99); 01,02(105); 230(114); 49,324,390(122); 01(128); 03(137); 35(144); 79(155).
3	Công trình: Nâng cao năng lực vận hành đối với các đường dây 35kV có bán kính cấp điện lớn khu vực miền Tây tỉnh Cao Bằng	0,0180	0,0180		0,0180	0,0110				0,0070	xã Đại Tiến, xã Nam Tuấn	Nam Tuấn tờ số: 44,45,46,47 (1/1.000); Đại Tiến 01 (1/10.000) tờ số: 01,02,05 (1/1.000); 675 (1/10.000)	Nam Tuấn: Thửa (tờ): 80,94,102,457,464,467 (44); 65,68,81,89,96,97,106,115,116,551 (45); 22,37,38,62,63,331,338 (46); 14,42,54,78,81 (47) Đại Tiến: Thửa (tờ): 8,12,24,40,41,67,68(01); 54,70,82,114,183,229,274 (02); 21,105,184,198 (05) (1.1000); 675 (01)
Tổng cộng:		**22,5512**	**22,5512**		**22,5512**	**1,9550**			**1,7400**	**18,8562**			